

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN LIÊN VIỆT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 21



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 được trình bày trên Báo cáo tài chính từ trang 05 đến trang 21 kèm theo.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Thanh	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Miễn nhiệm ngày 10/03/2010
Ông Kiều Hữu Dũng	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Từ ngày 10/03/2010 đến ngày 24/05/2010
Ông Trịnh Thanh Hải	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Từ ngày 25/05/2010 đến ngày 26/10/2010
Ông Huỳnh Ngọc Huy	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Bổ nhiệm ngày 26/10/2010
Ông Nguyễn Văn Thanh	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	
Ông Trần Việt Trung	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	
Ông Nguyễn Đức Hường	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	
Ông Phan Hữu Tuấn	Thành viên	

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 15/03/2010
Ông Nguyễn Hoài Anh	Tổng Giám đốc	Từ ngày 15/03/2010 đến ngày 28/06/2010
Ông Hoàng Xuân Quyến	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28/06/2010
Ông Nguyễn Hồng Quân	Phó Tổng Giám đốc	Từ ngày 14/04/2010 đến ngày 28/06/2010
Ông Nguyễn Hồng Quang	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 22/11/2010
Ông Lê Thanh Đức	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 22/11/2010

Giám đốc Tài chính

Ông Mạc Văn Hạnh

Bổ nhiệm ngày 10/09/2010

Kế toán trưởng

Ông Vũ Huy Đạt

Từ ngày 10/05/2010
đến ngày 13/10/2010

Ngoài lương và các khoản phụ cấp theo lương, không một thành viên nào trong Ban Giám đốc có bất kỳ một khoản thu nhập nào khác từ một hợp đồng ký với Công ty hay một bên liên quan.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010 ngày 15 tháng 01 năm 2010 về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Phạm mất và đại diện cho Ban Giám đốc,



Hoàng Xuân Quyền
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 01 năm 2011

Số: 16 /2011/UHY - BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
*Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010*

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt (sau đây gọi tắt là “Công ty”) gồm: Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Các Báo cáo tài chính của công ty được lập ngày 26 tháng 01 năm 2011, trình bày từ trang 05 đến trang 21 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc ở trang 2 và 3, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Cuộc kiểm toán của chúng tôi bị giới hạn bởi vấn đề nêu tại thuyết minh số 6.1 của Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoài ảnh hưởng của giới hạn nêu trên, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.



Phạm Gia Đạt
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0798/KTV

Nguyễn Thị Phương Thảo
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0933/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 26 tháng 01 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2010	Tại ngày 01/01/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		817.841.727.321	118.080.000.785
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	8.776.100.100	23.704.671.887
1. Tiền	111		8.776.100.100	23.704.671.887
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		706.457.115.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5	709.049.941.811	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(2.592.826.811)	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	6	101.428.739.138	94.096.938.796
1. Phải thu của khách hàng	131	6.1	17.862.000.000	-
2. Trả trước cho người bán	132	6.2	611.761.250	2.870.838.796
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135	6.3	6.529.140.159	-
5. Các khoản phải thu khác	138	6.4	76.425.837.729	91.226.100.000
IV. Hàng tồn kho	140		-	139.109.217
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.179.773.083	139.280.885
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		620.405.803	139.280.885
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		559.367.280	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		23.074.792.769	8.990.135.607
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		21.841.148.071	7.346.265.616
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	11.946.178.365	7.119.750.513
- Nguyên giá	222		14.405.774.958	7.524.553.377
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.459.596.593)	(404.802.864)
3. Tài sản cố định vô hình	227	8	9.894.969.706	226.515.103
- Nguyên giá	228		11.550.478.980	230.070.670
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.655.509.274)	(3.555.567)
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.233.644.698	1.643.869.991
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	1.107.938.050	1.523.869.991
3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	10	125.706.648	120.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		840.916.520.090	127.070.136.392

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2010	Tại ngày 01/01/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		715.132.293.678	1.668.413.869
I. Nợ ngắn hạn	310		715.132.293.678	1.668.413.869
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	11	663.820.600.000	-
2. Phải trả người bán	312		1.240.331.350	-
3. Người mua trả tiền trước	313		603.439.296	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	1.066.359.799	85.213.869
5. Phải trả người lao động	315		748.306.347	-
6. Chi phí phải trả	316		5.658.941.910	-
8. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320		10.216.442.480	-
11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	328	13	31.777.872.496	1.583.200.000
II. Nợ dài hạn	330		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		125.784.226.412	125.401.722.523
I. Vốn chủ sở hữu	410	14	125.705.805.286	125.401.722.523
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		125.000.000.000	125.000.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		39.210.563	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		78.421.126	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		588.173.597	401.722.523
II. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	430		78.421.126	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		840.916.520.090	127.070.136.392

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Mã số	Tại ngày 31/12/2010	Tại ngày 01/01/2010
6. Chứng khoán lưu ký	006	71.758.430.000	
Trong đó:			
6.1 Chứng khoán giao dịch	007	50.422.230.000	
6.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	1.700.000.000	
6.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	48.722.230.000	
6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	17.000.000.000	
6.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	17.000.000.000	
6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	027	4.336.200.000	
6.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	4.336.200.000	
9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083	73.548.300.000	



Hồng Xuân Quyên
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 01 năm 2011

Mạc Văn Hạnh
Giám đốc Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Ghi chú	Năm 2010	Năm 2009
DOANH THU	01		88.658.035.282	3.619.430.548
<i>Trong đó:</i>				
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		25.016.634.639	-
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		59.643.608.285	-
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		570.000.000	-
Doanh thu khác	01.9		3.427.792.358	3.619.430.548
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		88.658.035.282	3.619.430.548
Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán	11	15	67.863.650.382	2.275.013
Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		20.794.384.900	3.617.155.535
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	15	20.253.860.793	3.130.219.143
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		540.524.107	486.936.392
Thu nhập khác	31		2.312.200	-
Chi phí khác	32	15	32.831.122	-
Lợi nhuận ngoài khác	40		(30.518.922)	-
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		510.005.185	486.936.392
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		127.501.296	85.213.869
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		382.503.889	401.722.523
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		31	32



Hồng Xuân Quyền
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 01 năm 2011

Mạc Văn Hạnh
Giám đốc Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2010	Năm 2009
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Tiền thu từ hoạt động kinh doanh	01	9.656.761.395	3.619.407.283
Tiền chi hoạt động kinh doanh	02	(4.140.282.684)	(4.666.440.157)
Tiền thu giao dịch chứng khoán khách hàng	06	258.105.741.111	-
Tiền chi trả giao dịch chứng khoán khách hàng	07	(300.836.527.653)	-
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	10	(15.105.334.414)	-
Tiền chi trả cho người lao động	11	(7.352.185.569)	(1.073.591.000)
Tiền chi trả lãi vay	12	(51.402.897.606)	-
Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	13	(85.213.869)	-
Tiền thu khác	14	235.677.208.547	74.345.716.565
Tiền chi khác	15	(125.822.332.595)	(173.204.477.835)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1.305.063.337)	(100.979.385.144)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(4.336.918.204)	(315.942.969)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.289.837.507.014)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	205.075.869.500	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(117.000.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	480.963.674.000	-
7. Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	47.690.773.268	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(677.444.108.450)	(315.942.969)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	125.000.000.000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	921.820.600.000	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(258.000.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	663.820.600.000	125.000.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(14.928.571.787)	23.704.671.887
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu năm	60	23.704.671.887	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối năm	70	8.776.100.100	23.704.671.887



Hoàng Xuân Quyền
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 01 năm 2011

Mạc Văn Hạnh
Giám đốc Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 Khái quát chung**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp thành lập theo Quyết định số 104/UBCK-GP ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chủ tịch Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, với tên giao dịch ban đầu là Công ty Cổ phần Chứng khoán Viettranimex; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký số 41/UBCK-GCN ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chủ tịch Ủy ban Chứng Khoán Nhà Nước. Theo Quyết định số 316/UBCK-GP của Chủ tịch Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước ngày 20/04/2010 điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động số 104/UBCK-GP nêu trên, tên Công ty được điều chỉnh thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt có trụ sở chính đăng ký tại tầng 2&4, Tòa nhà Capital Tower, 109 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Tổng số vốn điều lệ của Công ty là 125.000.000.000 VND (Một trăm hai mươi lăm tỷ đồng) chia thành 12.500.000 cổ phần phổ thông, không có cổ phần ưu đãi, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng.

Thời gian hoạt động của Công ty là không thời hạn.

1.2 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**2.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam (Công ty tuân thủ Chế độ kế toán công ty chứng khoán ban hành kèm theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính) và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2.2 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính năm 2010 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính năm 2009.

3.2 Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.4 Đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm các khoản đầu tư vào cổ phiếu và các khoản đầu tư khác. Các khoản đầu tư ngắn hạn được phản ánh theo nguyên giá trừ dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá chứng khoán đã niêm yết được lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 100/2004/TT-BTC ngày 20/10/2004 của Bộ Tài chính. Đối với các chứng khoán không niêm yết, Công ty dựa vào giá giao dịch thực tế công khai hoặc dựa trên những phân tích thị trường và các nguồn thông tin liên quan để ước tính giá trị thuần của các khoản đầu tư này làm cơ sở cho việc trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

Giá vốn của chứng khoán tự doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

3.5 Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng khoản thu khó đòi cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán hay các khó khăn tương tự.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. CÁC CHÍNH SÁCH KÊ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.6 Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05-07
Máy móc, thiết bị	05-07
Thiết bị văn phòng	03-05
Phương tiện vận tải	07

3.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Phần mềm máy tính không phải là bộ phận không thể tách rời với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá phần mềm máy tính là toàn bộ chi phí cho việc mua bản quyền sử dụng, cài đặt, hướng dẫn sử dụng và các hỗ trợ khác theo các nội dung đã nêu trong hợp đồng mua bán. Giá trị hao mòn của phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

Các tài sản cố định vô hình khác được khấu hao từ 3-5 năm.

3.8 Chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị các loại công cụ, dụng cụ, chi phí thành lập doanh nghiệp và các khoản chi phí trả trước có tác dụng trong nhiều kỳ kinh doanh. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, theo phương pháp đường thẳng phù hợp với các quy định kế toán hiện hành, phù hợp với thời gian tham gia vào quá trình kinh doanh và tạo ra doanh thu, nhưng không quá 3 năm.

3.9 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty xác định khả năng chắc chắn thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này: khi giao dịch chứng khoán đã thành công, dịch vụ đã cung cấp và chuyển giao phần lớn lợi ích cũng như rủi ro cho khách hàng, được khách hàng thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán hoặc được khấu trừ vào tiền thu bán chứng khoán của khách hàng.

Giao dịch chứng khoán được coi là thành công khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch khớp lệnh và kết quả thanh toán bù trừ chứng khoán của Trung tâm giao dịch chứng khoán (đối với chứng khoán niêm yết) hay khi thoả thuận về chuyển giao tài sản theo Hợp đồng chuyển nhượng chứng khoán được hoàn tất (đối với chứng khoán không niêm yết).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.9 Ghi nhận doanh thu (tiếp)

Doanh thu tự doanh chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động tự doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi Công ty nhận được bằng chứng về giao dịch chứng khoán thành công và được phản ánh theo giá trị thu về tăng thêm so với giá vốn của chứng khoán tự doanh đem bán đi.

Doanh thu môi giới chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi giao dịch của nhà đầu tư được coi là thành công, Công ty thực nhận được tiền phí môi giới từ khách hàng.

Doanh thu quản lý danh mục đầu tư

Doanh thu từ hoạt động quản lý danh mục đầu tư được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo giá trị thoả thuận hoặc theo phương pháp tính toán ghi trên từng hợp đồng. Doanh thu được ghi nhận hàng kỳ trên cơ sở phân bổ doanh thu của hợp đồng theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn hợp đồng.

Doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành giao dịch tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tỷ lệ hoàn thành được đánh giá dựa trên việc xem xét các công việc đã được thực hiện trong toàn bộ cam kết hoặc nghĩa vụ của Công ty đối với khách hàng.

Doanh thu về vốn kinh doanh

Doanh thu về vốn kinh doanh phản ánh thu nhập từ lãi tiền gửi ngân hàng, lãi tiền gửi tiết kiệm và kỳ **phiếu** ngân hàng, được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích và được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi ngân hàng, tiền gửi tiết kiệm và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ của các ngân hàng.

Doanh thu từ hoạt động đầu tư

Lợi nhuận được chia từ các hoạt động đầu tư ra bên ngoài dưới hình thức đầu tư chứng khoán dài hạn hoặc đầu tư dài hạn khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh khi có bằng chứng xác thực về quyền được nhận cổ tức, số lãi được chia. Ngoài ra, doanh thu từ hoạt động đầu tư cũng bao gồm cổ tức hoặc lãi trái **phiếu** mà Công ty được chia trong thời gian nắm giữ các loại chứng khoán ngắn hạn.

3.10 Ghi nhận chi phí

Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán bao gồm: khoản lỗ bán chứng khoán tự doanh, các chi phí thực tế phát sinh có liên quan đến việc thực hiện doanh thu của các hoạt động môi giới chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư, tư vấn đầu tư chứng khoán và các hoạt động khác. Chi phí phát sinh trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán. Căn cứ vào thời điểm ghi nhận doanh thu nêu trên, Công ty kết chuyển chi phí kinh doanh chứng khoán tương ứng để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. CÁC CHÍNH SÁCH KÊ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.11 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi vay và các chi phí sử dụng tiền vay liên quan trực tiếp việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hoá như một phần nguyên giá tài sản cố định liên quan. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố định liên quan.

Tất cả chi phí đi vay khác không đủ điều kiện vốn hoá nêu trên được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngay trong kỳ phát sinh.

3.12 Thuế và các khoản thanh toán ngân sách

Thuế Giá trị gia tăng

Áp dụng theo Thông tư số 129/2008/TT- BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26/12/2009.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm được tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp khoản thuế phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, khi đó khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, áp dụng mức thuế suất hiện hành tại ngày kết thúc năm tài chính, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành Công ty đang áp dụng là 25%.

Việc xác định lợi nhuận chịu thuế căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.13 Bên liên quan

Một bên được coi là Bên liên quan của Công ty nếu có khả năng kiểm soát được hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty trong việc ra quyết định về tài chính và hoạt động kinh doanh. Một bên có khả năng kiểm soát đối với Công ty khi nắm giữ vai trò đáng kể trong quyền biểu quyết về các quyết định đối với chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, quan hệ tài sản, công nợ và các giao dịch với các bên bị chi phối bởi cùng một chủ thể thì cũng được coi là quan hệ và giao dịch với các bên liên quan. Chủ thể chi phối có thể là đơn vị kinh tế hoặc cá nhân nhà đầu tư, nhà quản lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại ngày 31/12/2010 VND	Tại ngày 01/01/2010 VND
Tiền mặt	162.743.895	20.464.671
Tiền gửi ngân hàng	7.686.134.465	23.681.183.951
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	927.221.740	3.023.265
	8.776.100.100	23.704.671.887

5. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	Tại ngày 31/12/2010 VND
Đầu tư cổ phiếu	124.719.450.811
- Cổ phiếu tự doanh	5.516.826.811
- Cổ phiếu nhận theo các hợp đồng hợp tác kinh doanh (*)	119.202.624.000
Đầu tư trái phiếu	533.835.491.000
- Trái phiếu đầu tư	74.275.491.000
- Trái phiếu nhận theo các hợp đồng hợp tác kinh doanh (*)	459.560.000.000
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn	50.495.000.000
	709.049.941.811

(*) Chi tiết được trình bày tại thuyết minh số 5.3

5.1 GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

CHỈ TIÊU	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm CP	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm VND
	Các giao dịch của công ty chứng khoán	1.015.483
Cổ phiếu	280.000	6.987.000.000
Trái phiếu	735.483	74.275.491.000
Giao dịch khác		
Các giao dịch của nhà đầu tư	17.293.780	514.928.798.000
Cổ phiếu	17.283.340	514.866.478.000
Trái phiếu		
Chứng khoán khác	10.440	62.320.000
	18.309.263	596.191.289.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5.2 TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

CHỈ TIÊU	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán	So với giá thị trường Tăng	Giảm	Tổng giá trị theo giá thị trường
Chứng khoán thương mại					
Chứng khoán đầu tư					
- Chứng khoán sẵn sàng để bán					
+ Cổ phiếu Công ty CP Đầu tư & Khai thác Công trình giao thông 584	170.000	5.516.826.811	-	2.592.826.811	2.924.000.000
+ Trái phiếu Ngân hàng TMCP Liên Việt	735.483	74.275.491.000	2.950.224.000	-	77.225.715.000
- Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-	-
	905.483	79.792.317.811	2.950.224.000	2.592.826.811	80.149.715.000

5.3 CHI TIẾT CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ THEO CÁC HỢP ĐỒNG HỢP TÁC KINH DOANH

	Mã chứng khoán	Mệnh giá	Giá nhận Repo	Tại ngày 31/12/2010	
				Số lượng	Giá trị ghi sổ
Cổ phiếu nhận theo các hợp đồng hợp tác kinh doanh				18.405.690	119.202.624.000
- Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Liên Việt	LVB	10.000	6.000	15.913.569	95.481.414.000
- Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Liên Việt	LVB	10.000	10.000	2.092.121	20.921.210.000
- Cổ phiếu Công ty CP Tập đoàn Nhựa Đông Á	DAG	10.000	7.000	400.000	2.800.000.000
Trái phiếu nhận theo các hợp đồng hợp tác kinh doanh				4.595.600	459.560.000.000
- Trái phiếu Ngân hàng TMCP Liên Việt	TP LVB	100.000	100.000	4.595.600	459.560.000.000
					578.762.624.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

6.1. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Tại ngày 31/12/2010 VND	Tại ngày 01/01/2010 VND
Công ty CP Đầu tư Kinh doanh Địa ốc và Dịch vụ TMDL Tân Hải	2.025.000.000	
Công ty CP Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	2.250.000.000	-
Công ty TNHH Tiến Phước	1.050.000.000	-
Công ty TNHH Bất động sản Việt Phú An	7.080.000.000	-
Công ty CP Đầu tư Thảo Điền (*)	2.700.000.000	-
Công ty TNHH Khải Hưng	207.000.000	-
Công ty CP Tân Hoàng Thăng	315.000.000	-
Công ty CP xây dựng điện VNECO 5	90.000.000	-
Công ty CP PT nhà và SX VLXD Chí Linh	120.000.000	-
Công ty CP Đầu tư và KD địa ốc Đại Nhân	2.025.000.000	-
	17.862.000.000	-

(*) Trong năm, Công ty đã ghi nhận toàn bộ doanh thu hợp đồng tư vấn và môi giới phát hành trái phiếu cho Công ty Cổ phần Đầu tư Thảo Điền giá trị 3 tỷ đồng do Công ty đã hoàn thành sản phẩm tư vấn cho Công ty Cổ phần Đầu tư Thảo Điền và đã nhận được 300 triệu đồng thanh toán theo hợp đồng. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty chưa nhận được bản xác nhận công nợ của Công ty Cổ phần Đầu tư Thảo Điền về số tiền 2,7 tỷ đồng còn phải thanh toán còn lại.

6.2. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Tại ngày 31/12/2010 VND	Tại ngày 01/01/2010 VND
Công ty CP Đầu tư AZCom	19.070.000	-
Công ty CP Đầu tư R.I.C.H Việt nam	125.000.000	-
Công ty CP Phát Triển Công Nghệ và Giải pháp Tài chính (TDFS)	3.000.000	858.048.000
Công ty CP Phần Mềm BRAVO	26.325.000	81.830.000
EXCEL FORCE MSC BERHAD	292.500.000	1.465.832.000
Công ty TNHH Quảng cáo TM Mắt Vàng	59.853.750	
Công ty TNHH Kiến Trúc-Truyền thông Wiki	15.000.000	
Công ty CP M-BEAT Việt nam	67.732.500	
Công ty CP Du lịch TM và Đầu tư Thủ Đô	3.280.000	
Công ty CP DV Phần Mềm & CNTT UNICOM	-	92.415.000
Chi nhánh Công ty TNHH Hệ thống Thông tin Ngân hàng Tài chính FPT		372.713.796
	611.761.250	2.870.838.796

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

6.3 PHẢI THU HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	Tại ngày 31/12/2010 VND	Tại ngày 01/01/2010 VND
Phải thu hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán	6.529.140.159	
	6.529.140.159	-

6.4 PHẢI THU KHÁC

	Tại ngày 31/12/2010 VND	Tại ngày 01/01/2010 VND
Phải thu cầm cố, hợp tác đầu tư chứng khoán	43.020.731.109	
Phải thu phí repo chứng khoán	10.994.784.190	
Phải thu tiền cho vay	22.325.000.000	91.000.000.000
- Công ty CP TM DV và XD Traseco	22.325.000.000	30.000.000.000
- Công Ty Cổ Phần XNK Việt Trang		61.000.000.000
Phải thu lại khoản tạm ứng chi phí thiết kế và xây dựng sàn GDCK Hà Nội		226.100.000
Phải thu khác	85.322.430	
	76.425.837.729	91.226.100.000

7. TÌNH HÌNH TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2010	2.974.775.719	364.471.400	-	4.185.306.258	7.524.553.377
Tăng trong năm	498.177.163	1.673.911.700	1.971.200.000	2.970.923.006	7.114.211.869
- Tăng do mua mới	-	1.673.911.700	1.971.200.000	2.970.923.006	6.616.034.706
- Tăng khác	498.177.163			-	498.177.163
Giảm trong năm	-	-	-	232.990.288	232.990.288
- Giảm khác	-	-	-	232.990.288	232.990.288
Tại ngày 31/12/2010	3.472.952.882	2.038.383.100	1.971.200.000	6.923.238.976	14.405.774.958
HAO MÒN LUYẾT KẾ					
Tại ngày 01/01/2010	198.318.381	4.338.945	-	202.145.538	404.802.864
Khấu hao trong năm	519.298.602	51.695.428	201.142.857	1.282.656.842	2.054.793.729
- Trích KH trong năm	519.298.602	51.695.428	201.142.857	1.282.656.842	2.054.793.729
Tại ngày 31/12/2010	717.616.983	56.034.373	201.142.857	1.484.802.380	2.459.596.593
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2010	2.776.457.338	360.132.455	-	3.983.160.720	7.119.750.513
Tại ngày 31/12/2010	2.755.335.899	1.982.348.727	1.770.057.143	5.438.436.596	11.946.178.365

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

8. TÌNH HÌNH TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND	TSCĐ vô hình khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2010	230.070.670	-	230.070.670
Tăng trong năm	10.473.896.000	846.512.310	11.320.408.310
- Tăng do mua mới	10.473.896.000	846.512.310	11.320.408.310
Tại ngày 31/12/2010	10.703.966.670	846.512.310	11.550.478.980
HAO MÒN LUY KẾ			
Tại ngày 01/01/2010	3.555.567	-	3.555.567
Khấu hao trong năm	1.607.454.648	44.499.059	1.651.953.707
- Trích KH trong năm	1.607.454.648	44.499.059	1.651.953.707
Tại ngày 31/12/2010	1.611.010.215	44.499.059	1.655.509.274
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2010	226.515.103	-	226.515.103
Tại ngày 31/12/2010	9.092.956.455	802.013.251	9.894.969.706

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Tại ngày 31/12/2010 VND	Tại ngày 01/01/2010 VND
Chi phí thành lập doanh nghiệp	846.594.404	1.523.869.991
CCDC chờ phân bổ	170.859.481	.
Chi phí trả trước dài hạn khác	90.484.165	.
	1.107.938.050	1.523.869.991

10. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại các Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.

Biến động của khoản tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán trong năm như sau:

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	5.706.648	.
Tiền lãi phân bổ trong năm	125.706.648	120.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

11. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Tại ngày 31/12/2010 VND	Tại ngày 01/01/2010 VND
Vay Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt (1)	43.820.600.000	
Trái phiếu phát hành (2)	620.000.000.000	
	663.820.600.000	

- (1) Khoản vay Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 006/2010/HTKD-TP ngày 02/11/2010 và phụ lục HĐ ngày 10/12/2010, lãi suất là 1,08%/30 ngày. Hợp đồng kết thúc ngày 10/03/2011.
- (2) Trong năm Công ty phát hành trái phiếu theo các hợp đồng mua bán trái phiếu với Ngân hàng TMCP Liên Việt với mục đích tài trợ cho việc repo cổ phiếu của thị trường, trong đó có cổ phiếu của Ngân hàng Liên Việt. Tổng số lượng trái phiếu phát hành là 725.000 trái phiếu mệnh giá 1.000.000 đồng, thời hạn 1 năm, lãi suất quy định lãi biên kỳ đầu và được thay đổi mỗi 3 tháng hoặc 6 tháng một lần. Trong năm đã tất toán 4 hợp đồng với số lượng là 105.000 trái phiếu, số dư còn lại tại thời điểm 31/12/2010 là 620.000 trái phiếu, tương ứng với 620.000.000.000 đồng.

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Tại ngày 31/12/2010 VND	Tại ngày 01/01/2010 VND
Thuế GTGT	23.366.073	
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	127.501.296	85.213.869
Thuế thu nhập cá nhân	915.492.430	-
	1.066.359.799	85.213.869

13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	Tại ngày 31/12/2010 VND	Tại ngày 01/01/2010 VND
Bảo hiểm xã hội	4.837.000	
Doanh thu chưa thực hiện	-	
Các khoản phải trả, phải nộp khác	31.773.035.496	1.583.200.000
- Phải trả Công ty XNK Việt Trang	-	1.525.000.000
- Phải trả hoạt động Repo	101.742.800	
- Phải trả hoạt động đầu tư	31.100.000.000	
- Phải trả khác	571.292.696	58.200.000
	31.777.872.496	1.583.200.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

14. TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chỉ tiêu	Tại ngày 01/01/2010	Số phát sinh trong năm		Tại ngày 31/12/2010
		Tăng	Giảm	
Vốn chủ sở hữu				
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	125.000.000.000			125.000.000.000
- Quỹ đầu tư phát triển (*)		39.210.563		39.210.563
- Quỹ dự phòng tài chính (*)		78.421.126		78.421.126
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu				
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	401.722.523	382.503.889	196.052.815	588.173.597
Tổng cộng	125.401.722.523	500.135.578	196.052.815	125.705.805.286

(*) Các quỹ được Công ty tạm trích lập từ lợi nhuận của năm 2009 và 2010 theo Quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

15. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Năm 2010

VND

Chi phí lãi vay phát hành trái phiếu	54.769.089.797
Chi phí Nhân viên	9.616.104.511
Khấu hao TSCĐ	3.706.747.436
Phân bổ chi phí trả trước ngắn & dài hạn	1.530.060.956
Chi phí thuê văn phòng	4.377.876.182
Lỗ bán chứng khoán tự doanh	1.041.305.189
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	2.592.826.811
Chi phí đường truyền	1.111.425.463
Chi phí khác	9.404.905.952
	88.150.342.297

16. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

16.1 Thông tin khác

Chi phí sửa chữa văn phòng trụ sở Công ty có giá trị tạm tính là hơn 4 tỷ đồng. Khu sàn giao dịch đã được sử dụng từ tháng 2/2010 và khu văn phòng sử dụng từ tháng 7/2010. Tuy nhiên, đến thời điểm này Công ty chưa nhận được hồ sơ quyết toán chính thức để xác định và phân bổ chi phí sửa chữa này vào kết quả kinh doanh trong năm cũng như chưa ghi nhận khoản công nợ phải trả liên quan.

16.2 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh của Báo cáo này là số liệu Báo cáo tài chính năm 2009 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán phía nam (AASCS)



Hồng Xuân Quyền
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 01 năm 2011

Mạc Văn Hạnh
Giám đốc Tài chính